| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:**10**/2023/KDTM-ST
Ngày 29-9-2023
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**: Bà Chu Thị Bích Hiền

**Các hội thẩm nhân dân**: Ông Hạng Minh Thu và ông Trần Xuân Viện

**Thư ký phiên tòa**: Ông Đinh Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

**Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên**: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 09 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/KDTM-TLST ngày 25 tháng 05 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-KDTM ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: xxx- NKKN, phường V, quận X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Th – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K – Giám đốc chi nhánh Thái Nguyên (Theo Quyết định V/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 32xx/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S)

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn H chức vụ Trưởng phòng kiểm soát rủi ro-Chi nhánh Thái Nguyên (theo Văn bản ủy quyền số 4x/GUQ-CNTN ngày 24/3/2023 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng S), địa chỉ liên hệ: Số D, đường MC, phường P, TPTN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

2. Bị đơn: 2.1) Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1959 (vắng mặt)

2. 2) Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Cùng nơi thường trú: tổ 1x, phường QT, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, chỗ ở hiện nay: xóm NH, xã TĐ, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng S (Sbank) trình bày: Giữa Ngân hàng

S (Sbank) và bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S đã ký kết hợp đồng cho vay và trên cơ sở đề nghị mở thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng 1: Ngày 22/03/2022 ký Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 2022265726xx, theo đó Sbank đồng ý cấp tín dụng cho bà Nh và ông S với hạn mức cấp: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản cấp tín dụng cụ thể được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ, mỗi giấy nhận nợ có thể có thời hạn cho vay khách nhau và được Sbank xác định tùy thuộc vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng và không vượt quá 06 tháng. Thời hạn cho vay của từng khoản cấp tín dụng cụ thể được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất: xác định theo từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Sbank tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ, thời hạn giải ngân chậm nhất đến hết ngày 22/03/2023, lãi trả hàng tháng vào ngày 15, gốc trả cuối kỳ theo từng Giấy nhận nợ.

Theo hợp đồng tín dụng, để đảm bảo cho khoản vay bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S thế chấp các tài sản gồm: Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 14xx, tờ bản đồ số Y, xã T, thành phố Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC4205xx, số vào sổ 00214/NCN do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/11/2016 đứng tên chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Nh; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 14XY tờ bản đồ số Y, xã T thành phố Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC420XYZ, số vào sổ 00213/NCN do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/11/2016 đứng tên chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Nh và Tài sản thế chấp thứ 2 là xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng tín dụng bà Nh, ông S chỉ đưa một tài sản thế chấp do đó ngày 07/4/2022 giữa Sbank –Chi nhánh Thái Nguyên và bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226572xxx/HĐTC2 số công chứng 12xx, quyển số 0x/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng X, tỉnh Thái Nguyên thế chấp tài sản là 01 (một) chiếc xe ô tô con nhãn hiệu VINFAST, đặc điểm: Biển số đăng ký: 20A-359.xx; số máy: 20010VF20SUV; Số khung: 2AXHKV002xxx; Màu sơn: đen; chỗ ngồi: 7; Đăng ký xe ô tô số: 058xxx do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/11/2019; Chủ sở hữu: NGUYỄN THỊ NH; trị giá tài sản là 1.100.000.000 đồng, Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Do đó, Ngân hàng xác định mức cấp tín dụng cho khoản vay hạn mức tương ứng là 750.000.000 đồng nên Sbank đã giải ngân cho bà Nh, ông S số tiền trên theo 03 Giấy nhận nợ như sau:

-Giấy nhận nợ số LD2222800xxx ngày vay 16/08/2022 ngày hết hạn 16/12/2022, số tiền 450.000.000 đồng (bằng chữ: bốn trăm năm mươi triệu đồng); định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; phương thức thanh toán: lãi trả hàng tháng vào ngày 15, gốc trả cuối kỳ vào ngày 16/12/2022.

-Giấy nhận nợ số LD2223700YYY ngày vay 25/08/2022 ngày hết hạn 24/12/2022, số tiền 210.000.000 đồng **(**bằng chữ: hai trăm mười triệu đồng); Định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; phương thức thanh toán: lãi trả hàng tháng vào ngày 15, gốc trả cuối kỳ vào ngày 24/12/2022.

Lãi suất theo 02 Giấy nhận nợ là: 03 tháng đầu 9,0%/năm, kể từ tháng thứ 04, lãi suất được điều chỉnh bằng LSCS tương ứng theo kỳ hạn vay được Sbank niêm yết tại www.Sbank.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,6%/năm.

-Giấy nhận nợ số LD2225000XYZ ngày vay 07/09/2022 ngày hết hạn 07/01/2023, số tiền 90.000.000 đồng (bằng chữ: chín mươi triệu đồng); lãi suất: 9,2%/năm; phương thức thanh toán: lãi trả hàng tháng vào ngày 15, gốc trả cuối kỳ vào ngày 07/01/2023.

Hợp đồng 2: Trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1978xxx ký ngày 19/04/2022, hạn mức cấp tín dụng: 150,000,000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), ngày 20/4/2022 Ngân hàng đã cấp cho bà Nh số thẻ 436438-xxx. Đến ngày 14/07/2022 bà Nguyễn Thị Nh có giấy đề nghị nâng hạng mức thẻ lên 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) được ngân hàng chấp nhận. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Nh đã nhiều lần thực hiện giao dịch và rút nhiều lần tiền ở tài khoản thẻ tương ứng với số tiền đã giao dịch là 588,808,000 đồng, phí trễ hạn phải chịu 11,290,897 đồng, tiền lãi phải trả 91,609,632 đồng, phí vượt hạn mức 3,040,632, phí thường niên là 999,000 đồng, bà Nh đã thanh toán số tiền 381,262,546 số tiền còn nợ chưa thanh toán là 314,485,468 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà Nh, ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng từ ngày 25/12/2022, Sbank thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn và trình diện tài sản thế chấp, tuy nhiên bị đơn vẫn không thanh toán dẫn đến khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên buộc bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay số LD202226572XXX ngày 22/03/2022 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1978xxx ký ngày 19/04/2022 và nâng hạn mức ngày 14/7/2022. Trong trường hợp bà Nh, ông Skhông thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Sbank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

202226572xxx/HĐTC2 số công chứng 1252, quyển số 04/20222 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng x, tỉnh Thái Nguyên đã ký kết để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Sbank thì bà Nh, ông S vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Sbank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn đều không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án đã lấy lời khai của bà Nh và ông Stại địa chỉ đăng ký kinh doanh phân bón của bà Nh tại xóm N, xã TĐ và bị đơn trình bày quan điểm:

Bà Nguyễn Thị Nh: thừa nhận ngày 22/3/2022 có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S với mức cấp là 3.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng (áp dụng cho phương thức hạn mức) bà đã được giải ngân làm 03 lần như sau:

Lần 1: ngày 16/8/2022 Ngân hàng giải ngân số tiền 450.000.000 đồng;

Lần 2: ngày 25/8/2022 Ngân hàng giải ngân số tiền 210.000.00 đồng;

Lần 3 ngày 07/9/2022 Ngân hàng giải ngân số tiền 90.000.000 đồng.

Ngày 19/4/2022 bà ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng hạn mức cấp 150.000.000 đồng, đến ngày 14/7/2022 bà đề nghị nâng hạn mức thẻ là 225.000.000 đồng, sau khi cấp thẻ tín dụng đã sử dụng số tiền trong tài khoản thẻ nhiều lần.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà có ký hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, biển số đăng ký 20A-359.x màu sơn đen, chỗ ngồi 7, chủ sở hữu đăng ký Nguyễn Thị Nh, đăng ký ngày 01/11/2019.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, bà Nh đã thực hiện thanh toán lãi đúng hạn, tuy nhiên do kinh doanh khó khăn và bị ốm nên chậm thanh toán tiền cho ngân hàng. Bà nhất trí yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tuy nhiên đề nghị cho giãn thời gian trả nợ, để thu xếp tiền trả cho ngân hàng và đề nghị xem xét giảm lãi suất. Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô do khó khăn trong việc kinh doanh nên bà có vay của anh Cg nhà ở chợ KN số điện thoại 0911.249.xxx với số tiền 300.000.000 đồng và giao xe cho anh Cg quản lý.

Ông S: Thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng, tuy nhiên mọi hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn và trả nợ ngân hàng là do bà Nh thực hiện nên ông không nắm được, ông đề nghị xem xét buộc bà Nh có trách nhiệm trả nợ. Ông xác định hiện nay xe ô tô thế chấp ngân hàng gia đình không quản lý.

*Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện về các nội dung đã đề nghị, đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Nh ông S phải trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2023) là: 1.162.175.358 đồng, trong đó:

- Hợp đồng cho vay số LD202226572XXX ngày 22/03/2022 tổng số tiền nợ là 847.689.890 đồng (nợ gốc: 740.000.000 đồng; lãi trong hạn là 6.209.479 đồng đồng, lãi quá hạn 100.995.538 đồng, lãi chậm trả 484.873 đồng)

-Thẻ tín dụng tài khoản thẻ số 436438-3xxx tổng số tiền còn nợ là 314.485.468 đồng (trong đó: số tiền cấp theo hạn mức thẻ: 225.000.000 đồng; tiền dư nợ còn lại và lãi chưa thanh toán: 89.485.468 đồng)

Tiếp tục, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nh, ông S phải trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng tính từ ngày tiếp theo 30/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp bà Nh, ông Skhông thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Sbank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tung.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S

Buộc bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2023) là: 1,162,175,358 đồng.

Bà Nh và ông S phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp bà Nh, ông Skhông thanh toán được khoản vay cho ngân hàng, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp đã ký. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S về việc ký hợp đồng tín dụng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, bà Nh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về "Hợp đồng tín dụng" theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng:

[1.2.1] Bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản có nơi thường trú phường QT, thành phố Thái Nguyên, quá trình giải quyết vụ án bà Nh vắng mặt tại nơi cư trú là phường QT, đồng thời bà Nh đề nghị Tòa án cấp tống đạt tại xóm N, xã TĐ do đó Tòa án đã cấp, tống đạt văn bản tố tụng tại nơi có đăng ký kinh doanh của hộ bà Nh và nơi thường trú của bà Nh, ông S theo quy định.

[1.2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh xác định người mệt mỏi, bị ốm nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, ngày 21/9/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bà Nh dưới sự chứng kiến của công an viên xóm N, xã TĐ, thành phố Thái Nguyên. Sau khi đọc nội dung văn bản tố tụng của Tòa án, bà Nh không ký nhận biên bản giao và xuất trình 01 Giấy ra viện của Bệnh viện y học cổ truyền ngày 29/8/2023 đồng thời xác định hiện nay ốm, phải đi viện nên đề nghị Tòa án không xét xử, triệu tập đến Tòa án và không đồng ý làm việc.

[1.2.3] Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xác minh tại Bệnh viện y học cổ truyền theo nội dung Giấy ra viện người bệnh Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 04/09/1959 Thẻ BHYT số HT 3-19-81-00004xxx chuẩn đoán: Đau dây thần kinh tọa, Mất ngủ không thực tổn, Tăng huyết áp vô căn, Bệnh mạch máu não khác, ra viện ngày 29/8/2023. Bác sỹ Nguyễn Tuấn Anh là người trực tiếp điều trị cho bà Nh xác định: Bà Nh được tiếp nhận điều trị theo diện nội trú ban ngày (điều trị ban ngày làm xong thủ thuật và phát thuốc xong thì bệnh nhân được về nhà), quá trình điều trị tại Khoa Lão diễn biến bệnh của bà Nh bình thường, không có diễn biến nặng hơn, bệnh nhân ra viện tình trạng bệnh ổn, với hồ sơ bệnh án mà Bệnh viện điều trị thì việc Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án thì không ảnh hưởng gì tới sức khỏe của bệnh nhân, do đó Hội đồng xét xử xác định với tình trạng sức khỏe của bà Nh không ảnh hưởng tới việc xét xử.

[1.2.4] Tại phiên tòa ông S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà Nh vắng mặt không có lý do lần 2, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố

tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S.

[2].Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng hạn mức tín dụng số số LD202226572XXX ngày 22/03/2022 được ký kết giữa Ngân hàng S –Chi nhánh Thái Nguyên với bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S, tại Hợp đồng tín dụng ông Sđã ủy quyền cho bà Nh thực hiện toàn bộ giao dịch với Ngân hàng. Sau khi ký kết hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho bà Nh theo các giấy nhận nợ vào các ngày 16/08/2022, 25/08/2022, 07/09/2022 đồng thời bà Nh đã sử dụng đủ hạn mức tại Thẻ tín dụng tài khoản thẻ số 436438-3225. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Sơn, bà Nh không thực hiện việc trả nợ lãi, nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng bà Nh, ông Skhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ, như vậy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên buộc bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc:

[2.2.1] Theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn của từng khoản cấp tín dụng được xác định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, theo ciấy nhận nợ số LD2222800XXX ngày vay 16/08/2022 ngày hết hạn 16/12/2022, giấy nhận nợ số LD2223700YYY ngày vay 25/08/2022 ngày hết hạn 24/12/2022, giấy nhận nợ số LD2225000XYZ ngày vay 07/09/2022 ngày hết hạn 07/01/2023, đến thời điểm làm đơn khởi kiện ngày 24/5/2023 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng như ngân hàng đã khởi kiện, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S bank, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Sbank tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 tổng số tiền nợ gốc là: 965.000.000 đồng (trong đó nợ gốc: Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD202226572XXX ngày 22/03/2022 số tiền 740.000.000 đồng và số tiền cấp theo hạn mức thẻ: 225.000.000 đồng).

[2.3] Xét yêu cầu về tính lãi: Giữa Ngân hàng Sbank với bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay theo Điều 5, Điều 6 của Hợp đồng tín dụng, theo Điều 8 của Giấy nhận nợ, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

của Sbank buộc bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S phải trả tiền lãi đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng tính hết ngày 29/9/2023 với tổng số tiền là 197.175.358 đồng, trong đó: lãi trong hạn là 6.209.479 đồng, lãi quá hạn 100.995.538 đồng, lãi chậm trả 484.873 đồng; tiền dư nợ còn lại và lãi chưa thanh toán của thẻ tín dụng: 89.485.468 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S tiếp tục phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thấy: Giữa Ngân hàng S- Chi nhánh Thái Nguyên và bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226572xxx/HĐTC2 số công chứng 12xx, quyển số 0x/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng X, tỉnh Thái Nguyên các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và bị lừa dối, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu VINFAST, biển số đăng ký: 20A-359.xx; số máy: 20010VF20SUV; Số khung: 2AXHKV002xxx được Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp Đăng ký xe ô tô số 0589xx ngày 01/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Nh, tài sản đã được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 07/4/2022 nên có giá trị pháp lý. Xét hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bị đơn là chủ sở hữu tài sản với Sbank có nội dung, hình thức phù hợp với các Điều 298 và Điều 317 Bộ luật dân sự 2015, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm do đó Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ký. Do đó, trường hợp bà Nh, ông Skhông thanh toán đủ khoản tiền nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD202226572XXX và tài khoản thẻ số 436438-32xx thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, BKS: 20A-359.xx để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[4] Đối với quan điểm của bà Nh về việc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, BKS: 20A-359.xx đã thế chấp tại ngân hàng tuy nhiên do khó khăn trong kinh doanh nên bà có giao xe cho Cg nhà ở chợ KN số điện thoại 0911.249.3xx quản lý đồng thời vay của anh Cg với số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Nguyễn Mạnh Cg xác định có cho bà Nh vay tiền nhưng đến nay bà Nh đã thanh toán xong và không có liên quan đến xe ô tô của bà Nh, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp chí định giá tài sản 1.500.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, do đó căn cứ Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng S số tiền chi phí định giá tài sản là 1.5000.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, tuy nhiên tại thời điểm giải quyết ông Nguyễn Hồng S (trên 60 tuổi) là người già, có đơn đề nghị xem xét miễn án phí do đó Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó bà Nguyễn Thị Nh phải chịu ½ số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (46.865.261đồng) là 23.432.630 đồng.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 351, Điều 357, Điều 401, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S

1. Buộc bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số LD202226572XXX ngày

22/03/2022 và thẻ tín dụng tài khoản thẻ số 436438-3225 tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 là 1.162.175.358 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi hai triệu một trăm bẩy mươi năm nghìn ba trăm năm mươi tám đồng). Trong đó: nợ gốc theo hợp đồng cho vay là 740.000.000 đồng; số tiền nợ theo hạn mức thẻ tín dụng là 225.000.000 đồng; lãi trong hạn là 6.209.479 đồng đồng; lãi quá hạn 100.995.538 đồng; lãi chậm trả 484.873 đồng; dư nợ còn lại và lãi chưa thanh toán thẻ tín dụng: 89.485.468 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hồng S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng S được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu VINFAST, BKS 20A-359.xx; số máy: 20010VF20SUV; Số khung: 2AXHKV002xxx; Màu sơn: đen, đăng ký xe ô tô số: 058xxxdo Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Nh. Những ai đang quản lý xe ô tô (dưới mọi hình thức) phải có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành khi kê biên phát mại.

Trong trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng S, thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu bị đơn thanh toán được nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 058918 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/11/2019 cho bị đơn.

3. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho Ngân hàng S số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

4.Về án phí kinh doanh thương mại:

4.1 Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp 23,432,630 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng) án phí kinh doanh thương sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Miễn án phí kinh doanh thương mại cho ông Nguyễn Hồng S

4.2 Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, hoàn trả Ngân hàng S số tiền 22.243.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000974 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bích Hiền**